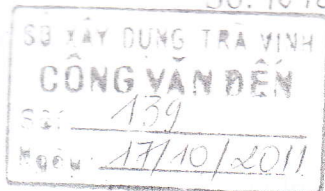


Số: 1648 /QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 14 tháng 10 năm 2011



QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung
thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 857/QĐ-UBND ngày 03/6/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt nhiều vụ điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh;

Xét Tờ trình số 74/TTr-UBND ngày 20/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần về việc xin phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (đính kèm Báo cáo thẩm định đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh số 04/TĐQH-SXDKTQH, ngày 24/02/2011 và Công văn số 302/SXD-KT.QH ngày 28/7/2011 của Sở Xây dựng),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh với các nội dung sau :

1. Tên đồ án: Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần.

3. Địa điểm thực hiện: Thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

4. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Phân viện Quy hoạch Đô thị Nông thôn miền Nam.

5. Nội dung quy hoạch

5.1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch

a) Phạm vi nghiên cứu quy hoạch: 501,35 ha.

b) Ranh giới:

- Phía Đông giáp xã Long Thới;
- Phía Tây giáp Vàm Cầu Quan (sông Hậu);
- Phía Nam giáp sông Cần Chông;
- Phía Bắc giáp huyện Cầu Kè.

5.2. Tính chất - chức năng của đô thị

Thị trấn Cầu Quan là đô thị loại V, đầu mối giao thông, cửa ngõ phía Tây Nam của huyện Tiểu Cần; giữ vai trò phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội và an ninh quốc phòng của huyện.

5.3. Quy mô dân số

- Dân số hiện trạng năm 2009 : 10.291 người;
- Dự báo đến năm 2015 : 13.000 người;
- Dự báo đến năm 2025 : 18.000 người.

5.4. Quy mô đất đai

- Chỉ tiêu đất dân dụng bình quân : 100 - 135 m²/người;
- Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị bình quân : 200 - 210 m²/người .

* *Quy mô diện tích đất dân dụng :*

- Định hướng đến năm 2015 : 136,85 ha;
- Định hướng đến năm 2025 : 243,6 ha.

* *Quy mô diện tích đất xây dựng đô thị:*

- Định hướng đến năm 2015 : 246,85 ha;
- Định hướng đến năm 2025 : 379,60 ha.

5.5. Hướng phát triển đô thị

- Lấy trục đường Hùng Vương: Từ đường Hai Bà Trưng ra đến sông Cần Chông làm trục trung tâm phát triển thị trấn;
- Khu thương mại dịch vụ được bố trí ven sông Hậu, gần khu vực bến phà Cầu Quan;
- Khai thác trục cảnh quan dọc hai bên rạch Nước và rạch Ngọn. Cải tạo, mở rộng mặt nước kết hợp cây xanh nhằm tạo không gian mở cho đô thị.
- Khu công nghiệp phát triển về phía Tây rạch Ngọn và mở rộng sang huyện Cầu Kè.

5.6. Định hướng phát triển không gian

* *Các khu trung tâm hành chính, công cộng:*

- Trung tâm hành chính thị trấn: Bố trí tại khu vực ngã ba của đường Trần Hưng Đạo và đường Hùng Vương. Gồm các công trình: Cơ quan quản lý hành chính, các ban ngành, đoàn thể, công trình văn hóa, thể dục thể thao.
- Trung tâm công cộng thuộc khu ở: Trong mỗi khu ở bố trí một trung tâm công cộng phục vụ cộng đồng dân cư, với bán kính phục vụ khoảng 300m.

* *Các khu dân cư:*

Toàn bộ thị trấn chia làm 03 khu dân cư, đáp ứng cho nhu cầu ở khoảng 18.000 dân đến năm 2025. Bao gồm: ^{1/}

- Khu dân cư số 1 (Ký hiệu: KDC1): Diện tích 100 ha, dân số khoảng 6.500 người. Khu dân cư hiện hữu, dự kiến cải tạo chỉnh trang, lấy trục đường Nguyễn Huệ, đường Trần Phú và đường Trần Hưng Đạo làm trục trung tâm phát triển khu dân cư.

- Khu dân cư số 2 (Ký hiệu: KDC2): Diện tích 110 ha, dân số khoảng 8.000 người. Khu dân cư trung tâm, lấy trục đường Hùng Vương và đường Trần Hưng Đạo làm trục trung tâm phát triển khu dân cư, khai thác rạch Ngọn làm trục không gian cảnh quan cho toàn đô thị.

- Khu dân cư số 3 (Ký hiệu: KDC3): Diện tích 65 ha, dân số khoảng 3.500 người. Khu dân cư phát triển mở rộng về phía Bắc của đô thị, lấy trục đường Hai Bà Trưng và một phần trục đường Hùng Vương làm trục trung tâm phát triển khu dân cư.

** Trung tâm thương mại dịch vụ:*

Trung tâm thương mại và dịch vụ bao gồm: Siêu thị, chợ, bến xe, bến phà; bố trí cuối đường Trần Hưng Đạo về phía Đông, tiếp giáp với sông Hậu và sông Cần Chông. Cải tạo và nâng cấp chợ Long Thới. Xây dựng mới chợ Thuận An và bến xe ở phía Nam đường Trần Hưng Đạo, gần nhà thờ Mặ Bắc.

** Khu công nghiệp::*

Khu công nghiệp với quy mô 250 ha, bố trí phía Tây của rạch Nước, tập trung các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

Nhà máy cá khoảng 2,64 ha, bố trí gần bến phà; hoạt động trong giai đoạn đầu, giai đoạn dài hạn khi khu công nghiệp hình thành, chuyển đổi chức năng nhà máy cá và di dời vào khu công nghiệp để đảm bảo môi trường cho khu dân cư và khu thương mại xung quanh.

** Công trình công cộng phục vụ đô thị:*

- Trường trung học cơ sở trên trục đường Nguyễn Huệ; trường phổ thông trung học trên đường Hùng Vương được cải tạo, nâng cấp đáp ứng nhu cầu dạy và học theo tiêu chuẩn.

- Cải tạo và nâng cấp Trường trung học cơ sở thị trấn Cầu Quan. Xây dựng mới trường trung học cơ sở và trường tiểu học tại khu vực khu trung tâm thị trấn. Trường mầm non, mẫu giáo, tiểu học bố trí tại trung tâm các khu ở.

- Bố trí trường dạy nghề và trường tiểu học trên đường Hùng Vương, khu vực gần rạch Ngọn.

- Trung tâm y tế bố trí phía Bắc đường tránh đô thị vào khu công nghiệp.

** Các khu công viên cây xanh - thể dục thể thao:*

Công viên cây xanh, trung tâm văn hoá - thể dục thể thao bố trí phía Tây khu hành chính thị trấn. Công viên cho khu ở được bố trí xen kẽ tại các khu ở đô thị và khu công cộng, tiểu khu ở. Đầu tư, khai thác cảnh quan công viên dọc theo sông Hậu và sông Cần Chông.

** Khu vực dự trữ phát triển và vùng nông thôn:*

Khu vực nông thôn là phần diện tích còn lại của thị trấn, nằm về phía Bắc và phía Đông thị trấn, với diện tích khoảng 68,7 ha chiếm 13,7% diện tích đất tự nhiên của thị trấn. ^{th/}

5.7. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất:

Bảng điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2025 như sau :

Thông kê quy hoạch sử dụng đất		Định hướng đến năm 2015			Định hướng đến năm 2025		
STT	Loại đất	Chỉ tiêu (m2/ng)	Diện tích (Ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m2/ng)	Diện tích (Ha)	Tỷ lệ (%)
A	Đất dân dụng	107	136,85	100,00	133,00	243,60	100,00
1	Các khu ở	75,0	95,00	69,42	96,0	176,00	72,25
2	Công trình công cộng	7,5	9,85	7,20	8,0	14,60	5,99
	Đất hành chính - Cơ quan		1,38			1,38	
	Đất văn hóa - Giáo dục		5,70			6,87	
	Đất y tế		0,24			0,50	
	Đất thương mại - dịch vụ		2,53			5,85	
3	Cây xanh, công viên - Thể dục thể thao	11,5	14,50	10,60	14,0	26,00	10,67
4	Giao thông, bến xe	13,0	17,50	12,79	15,0	27,00	11,08
B	Đất ngoài dân dụng		110,00			136,00	
5	Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	GĐ1: 130,33 ha	88,00		GĐ1+2: 250 ha	110,50	
6	Công trình tôn giáo		4,07			3,74	
7	Công trình công cộng ngoài đô thị						
8	Giao thông đối ngoại, bến phà, CTĐM		17,93			25,50	
A+B	Đất xây dựng đô thị		246,85			379,60	
C	Đất khác		254,50			121,75	
9	Đất dự trữ phát triển dự án		15,00			15,00	
10	Đất sông rạch tự nhiên		38,88			36,13	
11	Đất nghĩa địa		1,92			1,92	
12	Đất ở và sản xuất nông nghiệp		198,70			68,70	
	Tổng cộng		501,35			501,35	

5.8. Nguồn cung cấp, vị trí, quy mô, công suất các công trình đầu mối và mạng lưới chính của hạ tầng kỹ thuật đô thị:

a) Giao thông :

* Về giao thông đường bộ đối ngoại:

- Quốc lộ 60 có chức năng đối ngoại và đối nội. Nâng cấp, mở rộng với quy mô lộ giới 28m, suốt toàn tuyến trong khu vực đô thị.

- Nâng cấp mở rộng đường Hai Bà Trưng (Tỉnh lộ 915), lộ giới 17m.

- Đường N2, Đường D2 lộ giới 26m.

* Về giao thông đường bộ đối nội:

- Đường chính khu vực: Nối liền giữa các khu dân cư lớn hoặc các khu dân cư với các công trình cấp huyện. Liên hệ giữa đường phố chính với đường phố khu vực. Mở rộng và xây dựng mới các tuyến đường đáp ứng yêu cầu giao thông chính khu vực như: Đường Hùng Vương, đường Cách Mạng Tháng Tám, đường Trần Phú, đường 30/4, đường Định An, đường D3, đường D8, đường D9, th

Đường D15.

- Đường khu vực: Phục vụ giao thông các khu vực nhỏ trong thị trấn. Liên hệ giữa đường chính khu vực với đường nội bộ. Gồm các đường: D4, D5, D6, D14, N5, N6, N11, N12.

- Đường nội bộ: Giao thông liên hệ trong phạm vi nhỏ giữa các khu phố nội bộ. Gồm các đường: D1, D7, D10, D11, D12, D13, D15, 16, N1, N4, N7, N8, N9, N10, N11.

- Đường khu công nghiệp theo đồ án quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Cầu Quan được phê duyệt.

* Bến bãi:

- Bến xe: Diện tích khoảng 0,5ha, gần khu vực bến phà.

- Khai thác mạng lưới đường thủy trên sông Hậu. Dự án xây dựng bến phà dân dụng và vận tải hàng hóa gần trung tâm dịch vụ, trung tâm dân cư.

b) Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng :

- Cao độ khống chế thấp nhất tại tim đường Hxd > +2,20 m.

- Cao độ xây dựng công trình Hxd > +2,4m.

- San nền:

+ Khu trung tâm thị trấn và các khu đã xây dựng tiến hành san lấp cục bộ, hoàn thiện nền công trình đến cao độ là +2,00m trong quá trình cải tạo chỉnh trang đô thị. Nâng cấp, cải tạo mạng lưới đường, lát gạch vỉa hè; nâng cao độ nền đối với khu vực thấp, tạo hướng thoát nước; san lấp ao hồ và kênh, rạch nhỏ tạo mặt bằng xây dựng và đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Tuyến đường ven sông, đường chính và đường bao quanh thị trấn, cao độ của đường $\geq +2,20$ m.

+ Công viên cây xanh, cao độ $\geq +2.00$ m

- Độ dốc nền thiết kế :

+ Công trình công cộng, khu công nghiệp: $\geq 0,4\%$.

+ Công viên cây xanh: $\geq 0,3\%$.

c) Thoát nước mưa :

- Hệ thống thoát nước mưa của thị trấn được thiết kế chung với thoát nước thải sinh hoạt, sau đó sẽ xây dựng tuyến cống bao để tách nước thải tại các miệng xả.

- Khu công nghiệp: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng với nước thải công nghiệp .

- Các tuyến thoát nước xây dựng mới bằng cống bê tông cốt thép bố trí dọc các trục đường và theo hướng ngắn nhất.

- Khu vực đã xây dựng không san lấp mà chỉ tổ chức thoát nước.

- Khu vực còn lại chủ yếu là ruộng lúa, ao hồ và các rạch nhỏ, được san lấp với độ cao trung bình khoảng 1,20m. Các mương, rạch nhỏ, ao hồ trong đô thị được san lấp để tạo mặt bằng xây dựng. Các kênh, rạch lớn giữ lại để thuận lợi cho việc thoát nước mặt. Từng bước trong tương lai, bờ các đoạn kênh, rạch chảy trong đô thị được gia cố bờ kè, chống sạt lở và bảo đảm mỹ quan đô thị.

d) Cấp nước:

- Tiêu chuẩn dùng nước: 120 lít/người/ngày.

- Tổng nhu cầu dùng nước: Năm 2015: 4.900 m³/ngày và năm 2025: 9.230 m³/ngày.

- Nguồn nước: Nước ngầm. Trong khu đô thị tiếp tục sử dụng giếng khoan và bể lọc hiện hữu, đến năm 2015 và năm 2025 khoan thêm giếng phân bố đều trong đô thị, để cấp nước theo nhu cầu phát triển; trong khu công nghiệp khoan thêm giếng phục vụ riêng cho khu công nghiệp.

e) Nước thải - Chất thải rắn và vệ sinh môi trường :

- Tiêu chuẩn thoát nước: 70 - 80% lượng nước cấp.

- Tổng lượng nước thải: Năm 2015: 3.600m³/ngày; năm 2025: 6.900 m³/ngày.

- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt đến năm 2015: 1.000m³/ngày, năm 2025: 1.900m³/ngày

Tổng lưu lượng nước thải công nghiệp tới năm 2015 là : 2.600m³/ngày , tới năm 2025 là : 5.000m³/ngày.

* *Thoát nước thải:*

- Khu công nghiệp: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa tách riêng với nước thải công nghiệp, xây dựng trạm xử lý nước thải trong khu công nghiệp, nước thải sau khi được xử lý thoát ra chung với hệ thống thoát nước mưa.

- Đô thị: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải chung. Xây dựng hệ thống cống bao dọc theo bờ sông, kênh; qua các miệng xả, xây các hố ga kỹ thuật tách dòng, thu gom nước thải đưa về trạm xử lý làm sạch trước khi thoát ra sông. Hệ thống cống bao có đường kính 300mm - D600mm. Khu xử lý đặt ở phía Tây thị trấn .

- Nước thải từ các công trình được xử lý bằng hệ thống tự hoại 3 ngăn đúng tiêu chuẩn trước khi thoát vào cống thoát nước chung để ra hố tách dòng về trạm xử lý.

* *Chất thải rắn:*

- Xây dựng bãi rác ngoài ranh thị trấn, thuộc xã Long Thới, diện tích từ 3 - 5 ha.

- Rác được tập trung trong thùng 0,33 m³ đặt tại các góc đường trong khu dân cư, các bến xe và trong các khu dịch vụ, chợ, sau đó được Công ty công trình công cộng đến thu gom và đưa đến bãi rác.

* *Vệ sinh môi trường:*

- Tất cả các công trình đều phải có bộ tự hoại 3 ngăn xây đúng quy cách để xử lý nước thải trước khi thoát vào hệ thống cống chung.

- Nước thải sau khi được xử lý tại trạm xử lý phải đạt các tiêu chuẩn TCVN 5945-2005 và QCVN14-2008/BTNMT .

* *Nghĩa trang nhân dân:* Đặt ngoài ranh thị trấn, diện tích đến năm 2025: 8 -10 ha, thuộc xã Long Thới.

g) Cấp điện :

- Tiêu chuẩn cấp điện : 1000 KWh/người/năm .

- Tổng công suất : 49,565 KW. #

Đường D15.

- Đường khu vực: Phục vụ giao thông các khu vực nhỏ trong thị trấn. Liên hệ giữa đường chính khu vực với đường nội bộ. Gồm các đường: D4, D5, D6, D14, N5, N6, N11, N12.

- Đường nội bộ: Giao thông liên hệ trong phạm vi nhỏ giữa các khu phố nội bộ. Gồm các đường: D1, D7, D10, D11, D12, D13, D15, 16, N1, N4, N7, N8, N9, N10, N11.

- Đường khu công nghiệp theo đồ án quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Cầu Quan được phê duyệt.

* Bến bãi:

- Bến xe: Diện tích khoảng 0,5ha, gần khu vực bến phà.

- Khai thác mạng lưới đường thủy trên sông Hậu. Dự án xây dựng bến phà dân dụng và vận tải hàng hóa gần trung tâm dịch vụ, trung tâm dân cư.

b) Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng :

- Cao độ khống chế thấp nhất tại tim đường $H_{xd} > +2,20$ m.

- Cao độ xây dựng công trình $H_{xd} > +2,4$ m.

- San nền:

+ Khu trung tâm thị trấn và các khu đã xây dựng tiến hành san lấp cục bộ, hoàn thiện nền công trình đến cao độ là +2,00m trong quá trình cải tạo chỉnh trang đô thị. Nâng cấp, cải tạo mạng lưới đường, lát gạch vỉa hè; nâng cao độ nền đối với khu vực thấp, tạo hướng thoát nước; san lấp ao hồ và kênh, rạch nhỏ tạo mặt bằng xây dựng và đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Tuyến đường ven sông, đường chính và đường bao quanh thị trấn, cao độ của đường $\geq +2,20$ m.

+ Công viên cây xanh, cao độ $\geq +2.00$ m

- Độ dốc nền thiết kế :

+ Công trình công cộng, khu công nghiệp: $\geq 0,4\%$.

+ Công viên cây xanh: $\geq 0,3\%$.

c) Thoát nước mưa :

- Hệ thống thoát nước mưa của thị trấn được thiết kế chung với thoát nước thải sinh hoạt, sau đó sẽ xây dựng tuyến cống bao để tách nước thải tại các miệng xả.

- Khu công nghiệp: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng với nước thải công nghiệp .

- Các tuyến thoát nước xây dựng mới bằng cống bê tông cốt thép bố trí dọc các trục đường và theo hướng ngắn nhất.

- Khu vực đã xây dựng không san lấp mà chỉ tổ chức thoát nước.

- Khu vực còn lại chủ yếu là ruộng lúa, ao hồ và các rạch nhỏ, được san lấp với độ cao trung bình khoảng 1,20m. Các mương, rạch nhỏ, ao hồ trong đô thị được san lấp để tạo mặt bằng xây dựng. Các kênh, rạch lớn giữ lại để thuận lợi cho việc thoát nước mặt. Từng bước trong tương lai, bờ các đoạn kênh, rạch chảy trong đô thị được gia cố bờ kè, chống sạt lở và bảo đảm mỹ quan đô thị.

d) Cấp nước:

- Tiêu chuẩn dùng nước: 120 lít/người/ngày.

- Tổng nhu cầu dùng nước: Năm 2015: 4.900 m³/ngày và năm 2025: 9.230 m³/ngày.

- Nguồn nước: Nước ngầm. Trong khu đô thị tiếp tục sử dụng giếng khoan và bể lọc hiện hữu, đến năm 2015 và năm 2025 khoan thêm giếng phân bố đều trong đô thị, để cấp nước theo nhu cầu phát triển; trong khu công nghiệp khoan thêm giếng phục vụ riêng cho khu công nghiệp.

e) Nước thải - Chất thải rắn và vệ sinh môi trường :

- Tiêu chuẩn thoát nước: 70 - 80% lượng nước cấp.

- Tổng lượng nước thải: Năm 2015: 3.600m³/ngày; năm 2025: 6.900 m³/ngày.

- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt đến năm 2015: 1.000m³/ngày, năm 2025: 1.900m³/ngày

Tổng lưu lượng nước thải công nghiệp tới năm 2015 là : 2.600m³/ngày , tới năm 2025 là : 5.000m³/ngày.

* *Thoát nước thải:*

- Khu công nghiệp: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa tách riêng với nước thải công nghiệp, xây dựng trạm xử lý nước thải trong khu công nghiệp, nước thải sau khi được xử lý thoát ra chung với hệ thống thoát nước mưa.

- Đô thị: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải chung. Xây dựng hệ thống cống bao dọc theo bờ sông, kênh; qua các miệng xả, xây các hố ga kỹ thuật tách dòng, thu gom nước thải đưa về trạm xử lý làm sạch trước khi thoát ra sông. Hệ thống cống bao có đường kính 300mm - D600mm. Khu xử lý đặt ở phía Tây thị trấn .

- Nước thải từ các công trình được xử lý bằng hệ thống tự hoại 3 ngăn đúng tiêu chuẩn trước khi thoát vào cống thoát nước chung để ra hố tách dòng về trạm xử lý.

* *Chất thải rắn:*

- Xây dựng bãi rác ngoài ranh thị trấn, thuộc xã Long Thới, diện tích từ 3 - 5 ha.

- Rác được tập trung trong thùng 0,33 m³ đặt tại các góc đường trong khu dân cư, các bến xe và trong các khu dịch vụ, chợ, sau đó được Công ty công trình công cộng đến thu gom và đưa đến bãi rác.

* *Vệ sinh môi trường:*

- Tất cả các công trình đều phải có bộ tự hoại 3 ngăn xây đúng quy cách để xử lý nước thải trước khi thoát vào hệ thống cống chung.

- Nước thải sau khi được xử lý tại trạm xử lý phải đạt các tiêu chuẩn TCVN 5945-2005 và QCVN14-2008/BTNMT .

* *Nghĩa trang nhân dân:* Đặt ngoài ranh thị trấn, diện tích đến năm 2025: 8 -10 ha, thuộc xã Long Thới.

g) Cấp điện :

- Tiêu chuẩn cấp điện : 1000 KWh/người/năm .

- Tổng công suất : 49,565 KW. #

- Nguồn điện: Giai đoạn đầu, nguồn cấp điện cho thị trấn là tuyến 22KV từ nguồn điện lưới quốc gia trạm 110KV Trà Vinh. Giai đoạn sau cần xây dựng một trạm biến thế 110/22kV cấp điện cho khu công nghiệp và khu dân cư lân cận, trạm có dung lượng dài hạn 2x25MVA (Theo qui hoạch ngành điện đến 2020 sẽ xây dựng các trạm 110/22KV tại Cầu Kè).

5.9. Các dự án ưu tiên đầu tư xây dựng.

- Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh khu trung tâm hành chính thị trấn.
- Xây dựng trường dạy nghề.
- Xây dựng trung tâm y tế.
- Xây dựng chợ Thuận An và bến xe khách.
- Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 60 (Đường Trần Hưng Đạo).
- Xây dựng bến phà Cầu Quan.
- Xây dựng công viên, bờ kè rạch Ngọn trong khu trung tâm thị trấn.
- Xây dựng trung tâm thương mại Cầu Quan.
- Nâng cấp cơ sở hạ tầng hiện hữu phục vụ đời sống và sinh hoạt của công đồng dân cư.

Điều 2. Trên cơ sở đồ án quy hoạch được duyệt, Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần phối hợp với Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân thị trấn Cầu Quan có trách nhiệm:

- Hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức công bố và quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt. Xây dựng và ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị.
- Triển khai thực hiện dự án quy hoạch xây dựng, phối hợp với các cơ quan có liên quan huy động các nguồn vốn để cải tạo, xây dựng thị trấn theo đúng quy hoạch và pháp luật.


Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải; Chủ tịch UBND huyện Tiểu Cần và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký././

Nơi nhận:

- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Phòng NC: KTKT, KTTH, TH;
- TTCB;
- Lưu: VT. *20 bản*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *mm*



Nguyễn Văn Phong